

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1406**/UBND-VX

Bình Định, ngày **19** tháng **4** năm 2016

V/v đăng ký dự án thuộc Chương
trình nông thôn miền núi bắt đầu
thực hiện từ năm 2016

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025; Văn bản số 4717/BKH-CN ngày 03/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đề xuất dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2016.

UBND tỉnh Bình Định đăng ký dự án đã được Hội đồng Tư vấn, đề xuất đặt hàng cấp tỉnh xét duyệt đề cương và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét bố trí vào danh mục các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2016.

Dự án: Đánh giá thực trạng khai thác ứng dụng thông tin khoa học và công nghệ và xây dựng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn Bình Định.

(Có nội dung chi tiết tại phiếu đề xuất đặt hàng kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét bố trí dự án nêu trên vào danh mục các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2016. *TS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PTKHCN địa phương;
- Văn phòng CTNT miền núi;
- PCT Trần Châu;
- Sở KH-CN;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20. *Phu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu



PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN

Thuộc Chương trình Nông thôn miền núi

(Kèm theo Văn bản số **1406** /UBND-VX ngày **19 / 4** /2016 của UBND tỉnh Bình Định)

1. Tên dự án: *Đánh giá thực trạng khai thác ứng dụng thông tin khoa học và công nghệ và xây dựng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn Bình Định.*

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu về thông tin KH&CN phục vụ các vùng nông thôn theo nhu cầu và đặc điểm của từng vùng.
- Xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ các vùng nông thôn của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nắm được nhu cầu thông tin KH&CN của các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh. Phân loại và xây dựng được cơ sở dữ liệu theo nhu cầu và đặc điểm vùng.
- Xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ cho cư dân các vùng nông thôn của tỉnh. Mở rộng mạng lưới thông tin đến các xã, giúp lãnh đạo xã cập nhật kịp thời thông tin KH&CN trong chỉ đạo sản xuất, phát triển kinh tế của xã phù hợp với đặc thù địa phương.
- Giúp người dân các vùng nông thôn tiếp cận kịp thời những tiến bộ KH&CN phục vụ hoạt động sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Thiết lập được cơ chế trao đổi và cập nhật thông tin hai chiều giữa cơ sở, địa phương, trung ương thông qua đơn vị đầu mối thông tin của tỉnh.
- Nâng cao trình độ cán bộ xã, các trưởng thôn trong ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và đời sống.
- Nâng cao nhận thức của cán bộ xã và người dân về KH&CN.
- Hỗ trợ công cụ giao tiếp tiên tiến và thuận lợi trên mạng Internet cho cơ sở để giới thiệu, quảng bá và trao đổi thông tin.
- Phát triển cơ sở dữ liệu, tăng cường nguồn tin số hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cơ sở. Rút ngắn thời gian ứng dụng các thành tựu KH&CN, kết quả các đề tài đã nghiên cứu vào thực tiễn.
- Xây dựng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ cho cư dân các vùng nông thôn của tỉnh.

3. Tính cấp thiết của Dự án.

- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KH&CN, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, đưa thế giới từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên thông tin và phát triển kinh tế tri thức. Thông tin KH&CN được đánh giá là một tiềm năng đặc biệt quan trọng với đặc điểm là khi được sử dụng, giá trị của chúng càng được nhân lên và hiệu quả mà chúng mang lại càng tăng. Sự hội tụ giữa thông tin, viễn thông, tin học là xu hướng quan trọng trong xu thế phát triển hoạt động thông tin nói chung và thông tin KH&CN nói riêng. Đầu tư cho thông tin KH&CN từ chỗ được coi là đầu tư cho phúc lợi xã hội chuyển thành đầu tư cho sự phát triển.

- Nhận thức tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước ngày càng quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh thông tin KH&CN. Luật KH&CN khẳng định: “Chính phủ đầu tư xây dựng một hệ thống thông tin KH&CN hiện đại” và xem thông tin KH&CN là một nội dung cơ bản của quản lý Nhà nước về KH&CN. Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam nhấn mạnh: “Nhà nước tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở thông tin KH&CN hiện có, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin KH&CN quốc gia liên thông với quốc tế; khai thác có hiệu quả các nguồn thông tin KH&CN trong và ngoài nước, khắc phục tình trạng lạc hậu về thông tin hiện nay của nước ta. Xây dựng và phát triển các ngân hàng dữ liệu quốc gia về KH&CN, trước hết là thông tin liên quan tới các kết quả nghiên cứu được Nhà nước cấp kinh phí, các thông tin về sở hữu trí tuệ, số liệu điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và tiềm lực KH&CN. Đẩy mạnh việc phổ biến thông tin KH&CN tới người sử dụng, chú trọng thông tin phục vụ doanh nghiệp, phát triển nông thôn, vùng sâu, vùng xa”.

- Bình Định đã có một số hình thức đưa thông tin KH&CN về tuyến cơ sở. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế đáng kể ảnh hưởng đến việc truyền tải thông tin. Trang thiết bị kỹ thuật về thông tin KH&CN tại cơ sở chưa đồng bộ, yếu và lạc hậu; ít được quan tâm đầu tư. Thói quen và nhu cầu khai thác thông tin KH&CN của các vùng nông thôn còn hạn chế, trình độ dân trí còn thấp. Cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phân tán nên thiếu tính mới, không cập nhật kịp thời các thông tin KH&CN phục vụ nhu cầu nhân dân. Do đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả công tác đưa thông tin về cơ sở.

4. Các nội dung chính và kết quả dự kiến

- Khảo sát, thu thập thông tin về tình hình tiếp cận và nhu cầu thông tin KH&CN

+ Điều tra, khảo sát thực tế về hiện trạng tình hình sử dụng thông tin KH&CN trong sản xuất và phát triển kinh tế của các xã.

+ Thu thập thông tin về nhu cầu thông tin của từng xã, khảo sát thực tế tình hình tiếp cận và ứng dụng thông tin KH&CN của bà con nông dân.

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN cho nông thôn Bình Định

+ Xử lý các thông tin đã thu thập được, phân loại theo nhu cầu và đặc điểm vùng.

+ Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN cho các vùng nông thôn toàn tỉnh.

+ Xây dựng công cụ để có thể trích xuất dữ liệu cập nhật kịp thời thông tin KH&CN mới vào Cơ sở dữ liệu của từng địa phương.

- Chuẩn bị các điều kiện để chuyển giao mô hình

+ *Chuyển giao trang thiết bị phục vụ công tác lưu trữ và tra cứu thông tin KH&CN của xã*: Mỗi xã tham gia dự án được cung cấp trang thiết bị cơ bản gồm 1 bộ máy tính, 1 máy in, 1 router, 1 ổ lưu trữ dữ liệu, loa và đường truyền Internet. Các thiết bị mới có cấu hình cao đáp ứng nhu cầu khai thác và cập nhật thông tin của nhân dân.

+ *Xây dựng các trang thông tin điện tử phục vụ phổ biến thông tin KH&CN và trao đổi thông tin kinh tế xã hội*: Xây dựng trang thông tin điện tử cho các xã tham gia dự án. Nội dung của trang thông tin điện tử bao gồm: thông tin về xã (chủ yếu giới thiệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tiềm năng, đặc thù sản xuất, cây trồng, vật nuôi, đặc sản nội trội, thế mạnh của xã, ...), giá cả thị trường, thời tiết, dịch bệnh, tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới, các kinh nghiệm trong sản xuất, nuôi trồng, ...

+ *Xây dựng các quy định phục vụ mô hình cung cấp thông tin*

Xây dựng quy định về cập nhật cấp thông tin KH&CN tại cơ sở (trong đó quy định trách nhiệm cập nhật thông tin của các đơn vị đầu mối thông tin cấp huyện, xã).

Xây dựng quy định về phổ biến thông tin KH&CN tại xã (trong đó quy định về thời lượng phát thanh thông tin KH&CN qua Đài Phát thanh xã, quy định về chiếu phim KH&CN định kỳ tại thôn và quy định về trách nhiệm của các trưởng thôn trong việc phổ biến thông tin KH&CN tại thôn).

- Tập huấn sử dụng mô hình

- Tổng kết rút kinh nghiệm và xây dựng báo cáo tổng hợp về kết quả thực hiện dự án

+ Tổng kết, rút kinh nghiệm về phương pháp và các nội dung triển khai trong quá trình xây dựng mô hình cung cấp thông tin

+ Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện dự án.

5. Dự kiến thời gian thực hiện: 24 tháng.

6. Dự kiến kinh phí thực hiện: 2.000 triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương: 1.400 triệu đồng

- Nguồn kinh phí tự có: 500 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí khác: 100 triệu đồng.

7. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN của Trung ương, đối ứng từ ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

8. Đề xuất Tổ chức chủ trì và đánh giá năng lực của Tổ chức chủ trì (điều kiện cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án):

Tên cơ quan: Trung tâm Hỗ trợ phát triển Công nghệ thông tin Bình Định.

Địa chỉ: 208 Diên Hồng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056.3522775 Fax: 056.3525544.

9. Đề xuất Tổ chức chuyển giao công nghệ và đánh giá năng lực của tổ chức chuyển giao công nghệ (*quyền chuyển giao công nghệ và năng lực chuyển giao công nghệ*).

Tên cơ quan: Cục Thông tin KH&CN quốc gia.

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.39349119.

Việc triển khai dự án “Đánh giá thực trạng khai thác ứng dụng thông tin KH&CN và xây dựng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn Bình Định” nếu thực hiện sẽ giải quyết được các hạn chế trên, góp phần quan trọng đưa thông tin KH&CN đến nhanh hơn với dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh, qua đó thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu, thực nghiệm và sản xuất, đời sống; xóa đói, giảm nghèo và thực hiện xây dựng nông thôn mới tại tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu